**Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CHO DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định**

**chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế**

*Chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam*

| **Stt/**  **No.** | **Articles of the Law/ Điều khoản của Luật** | **Comments/Ý kiến** | **Recommendations/**  **Khuyến nghị** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | ***Điều 4. Đồng tiền khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ và tỷ giá quy đổi***  *…*  *2. Trường hợp người nộp thuế khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ thì tỷ giá giao dịch được xác định như sau:*  *a) Trường hợp người nộp thuế khai thuế và nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam thì quyết toán thuế theo đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua vào của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch nộp thuế; trường hợp ngân hàng nơi giao dịch không công bố tỷ giá thì tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua vào của ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố.*  *b) Trường hợp người nộp thuế khai thuế và nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính bằng ngoại tệ theo chấp thuận của Bộ Tài chính thì tỷ giá quy đổi từ ngoại tệ tự do chuyển đổi sang loại ngoại tệ hạch toán thực hiện theo tỷ giá mua vào do ngân hàng nơi giao dịch công bố; trường hợp ngân hàng nơi giao dịch không công bố tỷ giá thì tỷ giá quy đổi là tỷ giá mua vào của ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố.* | Quy định tại Khoản 2, Điều 4 của Dự thảo Thông tư mới đưa ra hướng dẫn áp dụng tỷ giá quy đổi cho 1 trường hợp nhất định (nộp thuế bằng ngoại tệ tư do chuyển đổi), chưa có hướng dẫn cụ thể về tỷ giá tính thuế trong các trường hợp khác như quy định tại Thông tư 26/2015/TT-BTC trước đây.  Khoản 4 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/12/2015 sửa đổi Điều 27 Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định:  *“3. Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014... như sau:*  *- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản.*  *- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.*  *- Các trường hợp cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC...”*  Ngoài ra, thậm chí quy định nêu trên cũng chưa rõ ràng đối với tỷ giá để kê khai thuế nhà thầu. Đây là vấn đề vẫn đang gây tranh cãi và hiện cũng đang có nhiều công văn hướng dẫn khác nhau dẫn đến nhiều doanh nghiệp khó khăn khi muốn xác định tỷ giá cần áp dụng cho trường hợp của mình.  Đối với thuế nhà thầu nước ngoài, đây là nghĩa vụ của nhà thầu nước ngoài, bên Việt Nam chỉ là người khấu trừ và nộp thay. Theo đó, cơ sở tính thuế vẫn là doanh thu của nhà thầu theo từng lần thanh toán nên cần áp dụng đúng nguyên tắc tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại. Trường hợp nhà thầu không mở tài khoản ngân hàng tại Việt Nam thì vận dụng tài khoản của bên Việt Nam – là đơn vị kê khai và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài. Quy định như vậy sẽ đảm bảo tính thống nhất, bình đẳng, không phân biệt hình thức đăng ký thuế, kê khai thuế của Nhà thầu nước ngoài.  Đồng thời, quy định này cũng sẽ đảm bảo việc quản lý thuế được chặt chẽ, thống nhất từ phía các cục thuế khác nhau. | Nên quy định cụ thể về tỷ giá quy đổi như Thông tư 26/2015 và có hướng dẫn rõ hơn về tỷ giá quy đổi để kê khai thuế nhà thầu. Chúng tôi đề xuất bổ sung thêm khoản 3 như sau:  *“3. Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:*  *- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản.*  *- Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.*  *- Các trường hợp cụ thể khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.*  ***- Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp: Trường hợp người nộp thuế được phép hạch toán kế toán bằng ngoại tệ nhưng không được khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ thì tỷ giá giao dịch là tỷ giá chuyển đổi Báo cáo tài chính ra Đồng Việt Nam (theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC…).***  ***- Đối với thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu nước ngoài do bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay….: Là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày cuối cùng của kỳ tính thuế. Trường hợp nhà thầu không mở tài khoản ngân hàng tại Việt Nam thì vận dụng tài khoản của bên Việt Nam – là đơn vị kê khai và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài***  *-* ***Đối với các sắc thuế khác: Là tỷ giá quy đổi ghi trên hóa đơn, chứng từ theo quy định về hóa đơn, chứng từ.”.*** |
| 2 | Điều 16. Khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế 3. Trường hợp người nộp thuế ***có địa điểm kinh doanh*** tại tỉnh khác với nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế, tính thuế và nộp hồ sơ khai thuế đối với địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.  Đối với người nộp thuế thuộc trường hợp khai thuế, tính thuế và nộp hồ sơ khai thuế của ***địa điểm kinh doanh*** quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế và nộp cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính; đồng thời, nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo số tiền thuế được phân bổ cho từng tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư này.  **Điều 17: Khai thuế, tính thuế, phân bổ và nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của người nộp thuế** | Theo Điều 44, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ***“đơn vị phụ thuộc” và “địa điểm kinh doanh”*** là các khái niệm khác nhau:  “*1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.*  *2. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của doanh nghiệp.*  *3. Địa điểm kinh doanh là nơi doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.”*  Theo tinh thần quy định tại Thông tư, chúng tôi hiểu rằng các quy định nêu tại khoản 3 Điều 16 nên trên áp dụng cho cả ***“đơn vị phụ thuộc” và “địa điểm kinh doanh”.*** Tuy nhiên, khoản 3 điều 16 lại chỉ đề cập đến ***“địa điểm kinh doanh”.*** Điều 17 lại đề cập đến cả ***“đơn vị phụ thuộc” và “địa điểm kinh doanh”.*** | Đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc sửa đổi khoản 3, Điều 16 như sau:  “*3. Trường hợp người nộp thuế có địa điểm kinh doanh,* ***đơn vị phụ thuộc*** *tại tỉnh khác với nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế, tính thuế và nộp hồ sơ khai thuế đối với địa điểm kinh doanh,* ***đơn vị phụ thuộc*** *cho cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi có địa điểm kinh doanh,* ***đơn vị phụ thuộc*** *theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.*  *Đối với người nộp thuế thuộc trường hợp khai thuế, tính thuế và nộp hồ sơ khai thuế của địa điểm kinh doanh****, đơn vị phụ thuộc*** *quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế và nộp cho cơ quan thuế quản lý trụ sở chính; đồng thời, nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo số tiền thuế được phân bổ cho từng tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư này.*” |
| 3 | ***Điều 17.******Khai thuế, tính thuế, phân bổ và nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của người nộp thuế***  *1. Đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc khác tỉnh*  *a) Người nộp thuế khai thuế GTGT tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phụ thuộc và nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính.*  *Người nộp thuế là doanh nghiệp viễn thông khai thuế GTGT tập trung cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị phụ thuộc và nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính.*  *b) Phân bổ nghĩa vụ thuế*  *Số thuế GTGT phải nộp tại các tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc bằng (=) số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế trên tờ khai thuế nhân (x) với tỷ lệ (%)* ***giữa doanh thu chịu thuế GTGT của các đơn vị phụ thuộc tại tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước trên tổng doanh thu chịu thuế GTGT.***  *Doanh thu chịu thuế GTGT phát sinh tại tỉnh nơi có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc không bao gồm doanh thu nội bộ phát sinh giữa trụ sở chính với các đơn vị phụ thuộc và doanh thu nội bộ phát sinh giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau.*  *Trường hợp người nộp thuế thực hiện tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín thì doanh thu là giá điều chuyển nội bộ được ghi trên phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ****.***  *2. Đối với người nộp thuế có* ***địa điểm kinh doanh*** *khác tỉnh*  *a) Đối với địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất*  *b) Đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán:*  *c) Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản*  *d) Đối với hoạt động xây dựng:* | a. Quy định tại Điều 17 của Dự thảo Thông tư đang hướng dẫn phân bổ số thuế GTGT phải nộp tại các tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc dựa trên tỷ lệ doanh thu.  Tuy nhiên, trên thực tế có trường hợp văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, nhưng không có hoạt động sản xuất kinh doanh.  Hiện quy định chưa có hướng dẫn rõ ràng cho trường hợp này.  b. Quy định tại Điều 17 đang có sự khác nhau giữa trường hợp doanh nghiệp có hoạt động xây dựng ngoại tỉnh tại nơi có đơn vị phụ thuộc (bao gồm chi nhánh hạch toán phụ thuộc và văn phòng đại diện) thì được áp dụng phương thức phân bổ nhưng tại nơi có địa điểm kinh doanh thì vẫn phải kê khai thuế GTGT riêng cho cơ quan thuế nơi có một số hoạt động kinh doanh đặc thù như nhà máy sản xuất điện, kinh doanh xổ số điện toán, chuyển nhượng bất động sản, hoạt động xây dựng.  Đối với trường hợp phân bổ thuế GTGT thì theo Khoản 5 Điều 16 của Dự thảo Thông tư, việc phân bổ là để ”số thuế phải nộp cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước phải đảm bảo không được lớn hơn số tiền thuế phải nộp trên hồ sơ khai thuế của người nộp thuế”. Cách thức này là hợp lý trong trường hợp người nộp thuế không phát sinh số thuế phải nộp ở trụ sở chính (thậm chí là khấu trừ và xin hoàn) thì không phải xác định số thuế phải nộp cho các tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Đối với địa điểm kinh doanh mà không áp dụng nguyên tắc này thì sẽ lại phát sinh bất cập như trước đây và chưa có cách xử lý về thuế nhất quán giữa các hình thức thành lập đơn vị phụ thuộc hoặc địa điểm kinh doanh.  Thực tế, về mặt quy định xin cấp phép thì địa điểm kinh doanh cũng phải xin cấp phép riêng tương tự như Văn phòng đại diện và chi nhánh phụ thuộc. Hiện nay Thông tư 105/2020/TT-BTC cũng hướng dẫn việc lập Mã số thuế 13 số đối với địa điểm kinh doanh, tương tự như Mã số thuế 13 số đối với đơn vị phụ thuộc. Như vậy, xét về mặt quản lý đăng ký cấp phép và thuế thì quy định là tương đồng với nhau.  Theo đó, thuế GTGT phát sinh ngoại tỉnh đối với trường hợp của địa điểm kinh doanh nên được xử lý tương tự như trường hợp của đơn vi phụ thuộc. Về bản chất đây không phải trường hợp thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh không đăng ký kinh doanh với cơ quan quản lý địa phương. | Đề nghị bổ sung để làm rõ đơn vị phụ thuộc không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thì không thuộc trường hợp phân bổ thuế GTGT phải nộp tại các địa phương.  Đồng thời, nên quy định nhất quán việc kê khai, tính thuế, phân bổ cho cả đơn vị phụ thuộc và địa điểm kinh doanh.  Cụ thể, bổ sung, sửa đổi như sau:  ”***Điều 17.******Khai thuế, tính thuế, phân bổ và nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của người nộp thuế***  *1. Đối với người nộp thuế có* ***địa điểm kinh doanh,*** *đơn vị phụ thuộc* ***có hoạt động sản xuất kinh doanh*** *khác tỉnh...*  *a) Người nộp thuế khai thuế GTGT tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phụ thuộc và nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính* ***ngoại trừ các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều này***  *b) Phân bổ nghĩa vụ thuế*  *Số thuế GTGT phải nộp tại các tỉnh nơi có* ***địa điểm kinh doanh****, đơn vị phụ thuộc* ***có hoạt động sản xuất kinh doanh*** *bằng (=) số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế trên tờ khai thuế nhân (x) với tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT của các* ***địa điểm kinh doanh,*** *đơn vị phụ thuộc tại tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước trên tổng doanh thu chịu thuế GTGT.*  *Doanh thu chịu thuế GTGT phát sinh tại tỉnh nơi có trụ sở chính,* ***địa điểm kinh doanh****, đơn vị phụ thuộc không bao gồm doanh thu nội bộ phát sinh giữa trụ sở chính với các* ***địa điểm kinh doanh,*** *đơn vị phụ thuộc và doanh thu nội bộ phát sinh giữa các đơn vị phụ thuộc* ***và/hoặc địa điểm kinh doanh*** *với nhau.*  *Trường hợp người nộp thuế thực hiện tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín thì doanh thu là giá điều chuyển nội bộ được ghi trên phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ****.***  *2. Người nộp thuế có địa điểm kinh doanh****, đơn vị phụ thuộc có hoạt động sản xuất kinh doanh*** *khác tỉnh* ***thuộc một trong các trường hợp dưới đây thì thực hiện như sau****:*  ***a) Đối với cơ sở sản xuất là nhà máy sản xuất điện****.*  *a.1) Khai thuế và nộp hồ sơ khai thuế:*  *Người nộp thuế thực hiện khai thuế GTGT tại địa phương nơi có nhà máy sản xuất điện. Trường hợp cơ sở sản xuất là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh thì thực hiện khai thuế GTGT phát sinh của nhà máy thủy điện với cơ quan thuế nơi có văn phòng điều hành nhà máy thủy điện*  *a.2) Phân bổ nghĩa vụ thuế:*  *Trường hợp cơ sở sản xuất là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh: Số thuế GTGT phải nộp tại các tỉnh nơi có nhà máy thủy điện bằng (=) số thuế GTGT phải nộp của nhà máy thủy điện nhân (x) với tỷ lệ (%) giá trị đầu tư các hạng mục của nhà máy thủy điện tại từng tỉnh trên tổng giá trị đầu tư của nhà máy thủy điện.*  *a.3)...*  *b) Đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán:.....*  *c) Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản*  *3. Người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính .....*  *4. Doanh thu dùng để xác định tỷ lệ phân bổ ....* |
| 4 | ***Điều 17.******Khai thuế, tính thuế, phân bổ và nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của người nộp thuế***  *2. Đối với người nộp thuế có* ***địa điểm kinh doanh*** *khác tỉnh*  *d) Đối với hoạt động xây dựng:*  *d.1) Người nộp thuế là nhà thầu xây dựng (theo quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế quốc dân và quy định của pháp luật chuyên ngành ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư để thi công công trình xây dựng tại tỉnh khác với nơi có trụ sở chính của người nộp thuế mà người nộp thuế không thành lập đơn vị phụ thuộc tại tỉnh đó thì người nộp thuế thực hiện khai, nộp thuế GTGT đối với doanh thu xây dựng của các công trình, hạng mục công trình do người nộp thuế thi công tại tỉnh đó với cơ quan thuế nơi có công trình xây dựng.....*  *d.2) Các trường hợp kê khai theo quy định tại điểm d.1 Khoản này khai và nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế GTGT đối với các công trình, hạng mục công trình xây dựng.*  ...  *d.4) Người nộp thuế phải tổng hợp doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng vào hồ sơ khai thuế tại trụ sở chính.*  *Số thuế GTGT đã nộp trên chứng từ nộp tiền của người nộp thuế được bù trừ với số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính hoặc nơi kê khai thuế nhà thầu****.*** | Trong mẫu biểu Tờ khai thuế 01/GTGT sẽ bỏ chỉ tiêu 39-Kê khai khấu trừ khoản thuế vãng lai ngoại tỉnh. Như vậy, nếu nộp 1% VAT trên doanh thu ở ngoại tỉnh và 10% VAT tại trụ sở chính khi xuất hóa đơn thì hiện theo quy định có thể hiểu doanh nghiệp sẽ dùng chứng từ nộp tiền ở ngoại tỉnh để bù trừ trực tiếp với số phải nộp ở trụ sở chính. Tuy nhiên, chưa có quy định về trường hợp toàn bộ hoạt động kê ở trụ sở chính đang có số chưa khấu trừ hết nhưng vẫn phát sinh phải nộp 1% ở ngoại tỉnh (thường phát sinh khi doanh nghiệp có hoạt động xây dựng lắp đặt đối với đa số khách hàng là doanh nghiệp chế xuất nên không phát sinh số phải nộp) thì số thuế VAT ngoại tỉnh này nên được bù trừ hoặc xin hoàn như thế nào.  Ngoài ra, hướng dẫn này đang chưa phù hợp với Quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP về các trường hợp phải khai thuế trực tiếp tại cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính (bao gồm các trường hợp dự án đầu tư, chuyển nhượng BĐS, nhà máy điện; không bao gồm hoạt động xây dựng). | Nên hướng dẫn theo đúng chủ trương của Khoản 1 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP, không tính và kê khai 1% doanh thu hoạt động xây dựng lắp đặt đối với trường hợp phát sinh doanh thu tại Địa điểm kinh doanh, ngoại tỉnh mà tính phân bổ thuế GTGT như trường hợp có đơn vị phụ thuộc khác.  Cụ thể bỏ quy định điểm d Khoản 1 Điều 17 |
| 5 | ***Điều 32. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT)***  *1. Văn bản yêu cầu hoàn thuế theo mẫu số 01/HT ban hành kèm theo Thông tư này.*  *2. Các tài liệu có liên quan theo trường hợp hoàn thuế, cụ thể như sau:*  *b) Trường hợp hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu:*  ***- Bản sao Hợp đồng xuất khẩu****. Trường hợp người nộp thuế ủy thác xuất khẩu thì nộp Bản sao Hợp đồng ủy thác xuất khẩu và hợp đồng xuất khẩu;*  *- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào mẫu 01-1/HT ban hành kèm theo Thông tư này trừ trường hợp người nộp thuế đã gửi hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế;*  *- Danh sách tờ khai hải quan theo mẫu 01-2/HT ban hành kèm theo Thông tư này đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đã thông quan theo quy định về pháp luật hải quan.* | Bản chất hoàn thuế GTGT là ảnh hưởng đến dòng tiền của doanh nghiệp. Do đó thủ tục đối với hoàn thuế GTGT cần được sửa đổi, hoàn thiện theo hướng giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, giúp quá trình xin hoàn thuế được diễn ra nhanh chóng, dễ dàng, thuận tiện.  Dự thảo thông tư bổ sung thêm bản sao hợp đồng xuất khẩu, bảng kê hóa đơn, chứng từ, trong khi đó, việc lập bảng kê hóa đơn đã được bỏ khi lập tờ khai thuế GTGT hàng tháng/quý, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ thuế. Yêu cầu về hồ sơ, tài liệu khi nộp hồ sơ hoàn thuế GTGT như vậy là đi ngược lại với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính của Chính Phủ.  Những tài liệu này trong quá trình kiểm tra hoàn thuế, doanh nghiệp sẽ có trách nhiệm cung cấp khi cơ quan thuế yêu cầu. Bất cứ sai sót trong quá trình hoàn thuế, theo quy định, doanh nghiệp sẽ phải nộp bổ sung, bao gồm cả tiền chậm nộp cho số tiền thuế được hoàn không đúng quy định. | Nên cân nhắc bỏ yêu cầu về hồ sơ chứng từ này khi lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT. |
| 6 | **Chương VIII: Kiểm tra thuế.**  Chưa có Quy trình thanh tra | Có quy trình Kiểm tra thuế ở các Điều 81-83, Chương VIII của Dự thảo Thông tư nhưng không có quy trình thanh tra thuế. Mặc dù vậy, lại có hướng dẫn mẫu biểu cho quy trình thanh tra xen kẽ nội dung trình tự thanh tra trong Phụ lục 1. | Nên có quy định về Quy trình Thanh tra tại nội dung chính của Thông tư để người đọc dễ theo dõi và so sánh. |
| 7 | Về thời hạn kê khai thuế, Thông tư đang chưa có Điều khoản quy định cụ thể về cách xác định thời hạn để thực hiện kê khai thuế và các thủ tục hành chính thuế khác. | Hiện nay, tại Nghị định và Dự thảo thông tư không có quy định về thời hạn kê khai thuế mà vấn đề này chỉ được đề cập ở Điều 44, Luật số 38/2019.  Trong đó, tại Điều 44 của Luật số 38 chỉ có quy định về việc gia hạn thời hạn kê khai trong trường hợp cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế gặp sự cố tại Khoản 7 như sau:  *“Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế*  *….*  *7. Trường hợp người nộp thuế khai thuế thông qua giao dịch điện tử trong ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế mà cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế gặp sự cố thì người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế, chứng từ nộp thuế điện tử trong ngày tiếp theo sau khi cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế tiếp tục hoạt động”.*  Quy định như trên sẽ khiến người nộp thuế gặp khó khăn trong việc xác định thời hạn kê khai nộp thuế trong trường hợp thời hạn rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì có được xác định theo nguyên tắc tính vào ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó như được quy định tại Điều 8, Thông tư 156/2013/TT-BTC hay không. | Nên có quy định cụ thể về cách tính thời hạn để thực hiện thủ tục hành chính thuế trong Chương I của Thông tư:  “***Điều 5. Thời hạn thực hiện thủ tục hành chính thuế***  ***1. Trường hợp thời hạn được tính bằng “ngày” thì tính liên tục theo ngày dương lịch, kể cả ngày nghỉ theo quy định.***  ***2. Trường hợp thời hạn được tính bằng “ngày làm việc” thì tính theo ngày làm việc của cơ quan hành chính nhà nước trừ ngày nghỉ theo quy định.***  ***3. Trường hợp thời hạn là một ngày cụ thể thì ngày bắt đầu tính hết thời hạn là ngày tiếp theo của ngày cụ thể đó.***  ***4. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc tiếp theo của ngày nghỉ đó.***  ***5. Ngày đã nộp hồ sơ thuế để tính thời hạn giải quyết công việc hành chính thuế là ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ giấy tờ, văn bản đúng theo quy định.”*** |
| 8 | **Chương IX: QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, KINH DOANH DỰA TRÊN NỀN TẢNG SỐ CỦA NHÀ CUNG CẤP Ở NƯỚC NGOÀI KHÔNG CÓ CƠ SỞ KINH DOANH CỐ ĐỊNH TẠI VIỆT NAM** | Chương này mới đưa ra quy định về quản lý, kê khai, nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số của nhà cung cấp nước ngoài.  Đối với trường hợp NCC nước ngoài có thu nhập phát sinh ở Việt Nam nhưng không từ hoạt động kinh doanh dựa trên nền tảng số thì chưa được đề cập (ví dụ: chuyển nhượng vốn gián tiếp, nhà thầu nước ngoài bán hàng qua kho ngoại quan ở Việt Nam cho các doanh nghiệp nước ngoài khác,….) | Nên mở rộng đối tượng nhà cung cấp nước ngoài có thu nhập phát sinh ở Việt Nam để tạo điều kiện cho các Nhà thầu nước ngoài có cơ sở để kê khai, ủy quyền kê khai, nộp thuế ở Việt Nam nếu phát sinh các giao dịch này. |
| 9 | **Điều 84. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số**  1. Nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở kinh doanh cố định tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam (sau đây gọi là nhà cung cấp ở nước ngoài) được coi là có cơ sở thường trú tại Việt Nam. | Có thể hiểu nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN) sẽ được coi là có cơ sở thường trú (CSTT) tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1, Điều 84 của dự thảo Thông tư. Tuy nhiên, theo các văn bản hướng dẫn luật thuế TNDN (cụ thể là Thông tư 78/2014/TT-BTC), thì mặc dù nội luật có đưa ra định nghĩa cụ thể về CSTT nhưng nguyên tắc chung áp dụng vẫn là “trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về CSTT thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó”. Để đảm bảo tính nhất quán trong các văn bản về thuế, ban soạn thảo nên cân nhắc áp dụng nguyên tắc chung này trong Thông tư. Điều này cũng đảm bảo tính thống nhất với thông tin thể hiện trong Mẫu số 02/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó có trường thông tin về số thuế TNDN được miễn giảm theo Hiệp định (cột 7 mục A - Đối với trường hợp giao dịch các dịch vụ dựa trên nền tảng số phát sinh tại Việt Nam). | Nên áp dụng thống nhất nguyên tắc chung về CSTT trong các văn bản pháp quy khác hiện vẫn đang có hiệu lực:  *“1. Nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở kinh doanh cố định tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam (sau đây gọi là nhà cung cấp ở nước ngoài) được coi là có cơ sở thường trú tại Việt Nam.*  ***Trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó****.”.* |
| 10 | **Điều 87. Mã số thuế**  ...2. Mã số thuế nộp thay 10 số được cấp tổ chức, đại lý thuế hoạt động theo pháp luật Việt Nam được ủy quyền hoặc ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển tiền cho nhà cung cấp ở nước ngoài | Theo quy định tại Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 3/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế:  **…Điều 5. Cấu trúc mã số thuế**  3. Phân loại cấu trúc mã số thuế  đ) Nhà cung cấp ở nước ngoài theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 4 Thông tư này chưa có mã số thuế tại Việt Nam khi đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế được cấp mã số thuế 10 chữ số. Nhà cung cấp ở nước ngoài sử dụng mã số thuế đã được cấp để trực tiếp kê khai, nộp thuế hoặc cung cấp mã số thuế cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền hoặc cung cấp cho ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế và kê khai vào Bảng kê về khấu trừ thuế của nhà cung cấp ở nước ngoài tại Việt Nam.  e) Tổ chức, cá nhân khấu trừ, nộp thay theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 4 Thông tư này được cấp mã số thuế 10 chữ số (sau đây gọi là mã số thuế nộp thay) để kê khai, nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, nhà cung cấp ở nước ngoài. Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 4 Thông tư này được bên việt Nam kê khai, nộp thay thuế nhà thầu thì được cấp mã số thuế 13 số theo mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam để thực hiện xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế nhà thầu tại Việt Nam.  Theo đó, có thể hiểu rằng:   * Trường hợp NCCNN đã đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế được cấp mã số thuế (MST) 10 chữ số. NCCNN cung cấp MST cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam được NCCNN ủy quyền hoặc cung cấp cho ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế. * Đối với trường hợp NCCNN không đăng ký, kê khai và nộp thuế ở Việt Nam, thì tổ chức Việt Nam mua hàng hóa, dịch vụ của NCCNN có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay và sẽ được cấp MST 10 số. Tuy nhiên, hiện Thông tư 105/2020/TT-BTC và cả dự thảo Thông tư hiện chưa làm rõ vấn đề:   + MST 10 số sẽ được cấp cho từng NCCNN mà tổ chức Việt Nam thực hiện khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay. hay tổ chức Việt Nam đã được cấp MST nộp thay (theo quy định tại các Thông tư về đăng ký thuế trước đó và Thông tư 105/2020/TT-BTC) thì sẽ sử dụng MST nộp thay này để thực hiện kê khai và nộp thuế thay NCCNN?   Tương tự với ngân hàng thương mại và các tổ chức trung gian thanh toán có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với các khoản thanh toán của cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ của NCCNN. | Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc làm rõ các trường hợp có thể phát sinh. Cụ thể:  - Đối với trường hợp NCCNN đã đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế được cấp mã số thuế (MST) 10 chữ số theo Thông tư này, thì tổ chức, cá nhân tại Việt Nam được NCCNN ủy quyền sẽ sử dụng MST này để kê khai, nộp thuế thay. Việc này sẽ thuận lợi cho cơ quan quản lý theo dõi việc kê khai và nộp thuế của các NCCNN ở Việt Nam, cũng như đảm bảo tính minh bạch trong việc thực thi chính sách thuế.  - Đối với trường hợp NCCNN không đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế mà ủy quyền toàn bộ cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (ví dụ trong trường hợp NCCNN có ít giao dịch, hoặc chỉ giao dịch với các tổ chức tại Việt Nam vốn đã thực hiện khấu trừ, kê khai, nộp thuế theo cơ chế thuế NTNN hiện tại): cho phép tổ chức tại Việt Nam sử dụng MST nộp hộ hiện tại để kê khai và nộp thuế thay. Điều này sẽ giảm bớt các thủ tục hành chính phát sinh thêm cho bên được ủy quyền, tạo điều kiện để người nộp thuế (NNT) dễ dàng tuân thủ trong việc đăng ký, kê khai và nộp thuế tại Việt Nam.  Theo đó, kiến nghị sửa Điều 87 như sau:  *“1. Mã số thuế 10 số được cấp cho nhà cung cấp ở nước ngoài.*  *2. Mã số thuế nộp thay 10 số được cấp tổ chức, đại lý thuế hoạt động theo pháp luật Việt Nam được ủy quyền hoặc ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chuyển tiền cho nhà cung cấp ở nước ngoài.*  ***Trường hợp nhà cung cấp ở nước ngoài đã được cấp mã số thuế 10 số theo khoản 1, Điều này thì nhà cung cấp ở nước ngoài cung cấp mã số thuế cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam được nhà cung cấp ở nước ngoài ủy quyền hoặc cung cấp cho ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế.***  ***Trường hợp nhà cung cấp nước ngoài không thực hiện đăng ký thuế trực tiếp theo khoản 1, Điều này thì tổ chức ở Việt Nam sử dụng mã số thuế nộp thay 10 số đã được cấp theo các quy định về đăng ký thuế để thực hiện kê khai và nộp thuế thay NCCNN theo Điều 94 Thông tư này.”*** |
| 11 | **Điều 89. Khai thuế, tính thuế trực tiếp của nhà cung cấp ở nước ngoài**  **…**2. Trường hợp sau khi hoàn thành thủ tục khai thuế, tính thuế, nhà cung cấp ở nước ngoài phát hiện có sai sót thì thực hiện kê khai điều chỉnh như sau:  ...- Trường hợp khoản thuế đã kê khai quá thời hạn nộp thuế, nhà cung cấp nước ngoài chỉ được điều chỉnh trong trường hợp làm tăng số thuế phải nộp. Nhà cung cấp ở nước ngoài thực hiện lập tờ khai bổ sung theo mẫu số 02/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư này | Việc quy định NCCNN chỉ được điều chỉnh trong trường hợp làm tăng số thuế phải nộp là không hợp lý. Nên cân nhắc cho phép điều chỉnh cả trong trường hợp làm giảm số thuế phải nộp và đưa ra cơ chế bù trừ với nghĩa vụ thuế phát sinh trong tương lai. | Kiến nghị sửa đổi Điều 89 như sau:  *“2. Trường hợp sau khi hoàn thành thủ tục khai thuế, tính thuế, nhà cung cấp ở nước ngoài phát hiện có sai sót thì thực hiện kê khai điều chỉnh như sau:*  *- Trường hợp khoản thuế đã kê khai chưa đến thời hạn nộp thuế, nhà cung cấp ở nước ngoài được điều chỉnh số thuế phải nộp phát sinh tại Việt Nam. Nhà cung cấp ở nước ngoài thực hiện lập tờ khai mới theo mẫu số 02/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư này.*  *- Trường hợp khoản thuế đã kê khai quá thời hạn nộp thuế, ~~nhà cung cấp nước ngoài chỉ được điều chỉnh trong trường hợp làm tăng số thuế phải nộp. N~~****nhà cung cấp ở nước ngoài thực hiện lập tờ khai bổ sung theo mẫu số 02/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư này. Việc xử lý số thuế nộp thừa, nộp thiếu sẽ được thực hiện như sau:***  ***- - Trường hợp việc điều chỉnh làm giảm số thuế phải nộp thì nhà cung cấp ở nước ngoài được bù trừ tự động với số thuế phải nộp ở kỳ kê khai, nộp thuế tiếp theo.***  ***- Trường hợp việc điều chỉnh làm tăng số thuế phải nộp, thì sẽ xử lý theo quy định tại Luật Quản lý thuế.*** |
| 12 | **Điều 89.** **Khai thuế, tính thuế trực tiếp của nhà cung cấp ở nước ngoài**  ...4. Nguyên tắc xác định doanh thu phát sinh tại Việt Nam để kê khai, tính thuế như sau:  a) Các loại thông tin được sử dụng để xác định giao dịch của tổ chức (cá nhân) mua hàng phát sinh tại Việt Nam như sau:  - Thông tin liên quan đến việc thanh toán của tổ chức (cá nhân) tại Việt Nam...  - Thông tin về tình trạng cư trú của tổ chức (cá nhân) tại Việt Nam  - Thông tin về truy cập của tổ chức (cá nhân) tại Việt Nam... | Đối với các trường hợp cá nhân mua hàng hóa của NCCNN thông qua các sàn thương mại điện tử tại Việt Nam (ví dụ Lazada, Shopee, Tiki) thì NCCNN sẽ không nắm được các thông tin liên quan đến việc thanh toán, tình trạng cư trú, truy cập của cá nhân mua hàng, mà chỉ nắm được thông tin liên quan đến địa điểm giao hàng và người nhận. Trên thực tế, cũng có những giao dịch mà người đặt hàng, thanh toán sẽ khác với người nhận hàng. Theo đó, rất khó để NCCNN nắm được đầy đủ các thông tin này để xác định doanh thu phát sinh tại Việt Nam.  Trong khi đó, hiện Bộ Công thương cũng đang lấy ý kiến để hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử.  **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP**  14. Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:  b) Bổ sung khoản 11 Điều 36 như sau:  “11. Đối với những sàn giao dịch thương mại điện tử bán lẻ có chức năng đặt hàng trực tuyến, ngoài các nghĩa vụ trên, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm:  b) Thay mặt cho thương nhân, tổ chức nước ngoài trên sàn giao dịch thương mại điện tử giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp và **có trách nhiệm kê khai, khấu trừ và nộp thuế theo quy định.** | Đề xuất 02 hướng xử lý như sau:  1. Quy định trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thuế thuộc vì thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, do các thương nhân, tổ chức này sẽ có đầy đủ các thông tin liên quan đến thanh toán, tình trạng cư trú, truy cập của cá nhân mua hàng thông qua sàn thương mại điện tử. Điều này cũng phù hợp với đề xuất hiện tại của Bộ Công thương trong dự thảo sửa đổi Nghị định 52/2013/NĐ-CP.  2. Quy định trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử có nghĩa vụ chia sẻ, cung cấp các thông tin theo quy định bao gồm thông tin thanh toán, thông tin tình trạng cư trú, thông tin truy cập của cá nhân mua hàng để hỗ trợ NCCNN xác định doanh thu phát sinh tại Việt Nam. Hướng xử lý này cần cân nhắc (1) dự thảo hiện tại của Bộ Công thương chưa có quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ này của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn thương mại điện tử, (2) khung pháp lý về chia sẻ thông tin của khách hàng tại nước nơi thương nhân, tổ chức nước ngoài có trụ sở. |
| Theo các quy định hiện hành về thuế Nhà thầu Nước ngoài (NTNN), thì NTNN kê khai và nộp thuế theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu sẽ không chịu sự ràng buộc của nội luật về các vấn đề như hóa đơn, hạch toán kế toán, v...v...Tuy nhiên, trong trường hợp NCCNN kê khai và nộp thuế không đúng với quy định (ví dụ áp dụng sai mức thuế suất, xác định chưa đúng doanh thu phát sinh tại Việt Nam) thì cơ quan thuế có quyền truy thu số tiền thuế thiếu, tiền chậm nộp vào NSNN trong thời hạn 10 năm trở về trước kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm (khoản 3, Điều 137, Luật Quản lý thuế 2019). | Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc bổ sung các yêu cầu về việc lưu giữ chứng từ hỗ trợ cho việc xác định doanh thu phát sinh tại Việt Nam trong trường hợp bị cơ quan thuế chất vấn. Cụ thể, kiến nghị sửa đổi Điều 89 như sau:  *Điều 89 Khai thuế, tính thuế trực tiếp của nhà cung cấp ở nước ngoài*  ***…5. Nhà cung cấp nước ngoài có trách nhiệm lưu trữ các thông tin được sử dụng để xác định giao dịch của tổ chức (cá nhân) mua hàng phát sinh tại Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều này phục vụ công tác thanh, kiểm tra của cơ quan thuế.***  ***Việc lưu trữ thực hiện theo các quy định có liên quan của Luật Quản lý thuế.”*** |
| 13 | **Điều 91. Ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam của nhà cung cấp ở nước ngoài**  1. Trường hợp nhà cung cấp ở nước ngoài thực hiện ủy quyền cho tổ chức, đại lý thuế hoạt động theo pháp luật Việt Nam (sau đây gọi là bên được ủy quyền), thì bên được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về thuế (đăng ký, kê khai, nộp thuế) theo hợp đồng đã ký với nhà cung cấp ở nước ngoài.  - Chậm nhất 05 (năm) ngày trước khi thực hiện lần đầu các công việc thủ tục về thuế nêu trong hợp đồng ủy quyền, nhà cung cấp ở nước ngoài phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng cách thay đổi thông tin đăng ký thuế theo mẫu số 01-1/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư này và gửi kèm theo tài liệu có liên quan. | Trên thực tế, NCCNN có thể ủy quyền hoàn toàn cho các tổ chức, đại lý thuế ở Việt Nam để thực hiện việc đăng ký, kê khai và nộp thuế (đặc biệt là các NCCNN có ít giao dịch ở Việt Nam, hoặc các giao dịch chủ yếu với tổ chức Việt Nam). Trong trường việc ủy quyền bao gồm cả ủy quyền đăng ký thuế thì việc bên ủy quyền nộp Mẫu số 01-1/NCCNN trước khi thực hiện lần đầu các công việc thủ tục thuế, được hiểu bao gồm cả đăng ký thuế là không khả thi vì về mặt logic, Mẫu số 01-1/NCCNN chỉ có thể được nộp sau khi NCCNN đã nộp Mẫu số 01/NCCNN | Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc làm rõ:   * Đối với trường hợp NCCNN đã đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế được cấp mã số thuế (MST) 10 chữ số thì phải thực hiện thông báo này. Và thời hạn 05 ngày được hiểu là trước khi thực hiện lần đầu các công việc kê khai, nộp thuế nêu trong hợp đồng ủy quyền. * Trường hợp NCCNN ủy quyền hoàn toàn cho tổ chức, đại lý thuế ở Việt Nam thì không cần thực hiện việc thông báo này.   Theo đó, kiến nghị sửa Điều 91 như sau:  *“1. Trường hợp nhà cung cấp ở nước ngoài* ***thực hiện đăng ký thuế trực tiếp và đã được cấp mã số thuế 10 số theo quy định tại Điều 87, và*** *thực hiện ủy quyền cho tổ chức, đại lý thuế hoạt động theo pháp luật Việt Nam (sau đây gọi là bên được ủy quyền), thì bên được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về thuế (đăng ký, kê khai, nộp thuế) theo hợp đồng đã ký với nhà cung cấp ở nước ngoài.*  *- Chậm nhất 05 (năm) ngày trước khi thực hiện lần đầu các công việc thủ tục về ~~thuế~~ kê khai, nộp thuế nêu trong hợp đồng ủy quyền, nhà cung cấp ở nước ngoài phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng cách thay đổi thông tin đăng ký thuế theo mẫu số 01-1/NCCNN ban hành kèm theo Thông tư này và gửi kèm theo tài iệu có liên quan....”* |
| 14 | **Điều 91. Ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam của nhà cung cấp ở nước ngoài**  1. Trường hợp nhà cung cấp ở nước ngoài thực hiện ủy quyền cho tổ chức, đại lý thuế hoạt động theo pháp luật Việt Nam (sau đây gọi là bên được ủy quyền), bên được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về thuế (đăng ký, kê khai, nộp thuế) theo hợp đồng đã ký với nhà cung cấp ở nước ngoài..  ...3. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp có trách nhiệm cung cấp tài khoản và mật khẩu đăng nhập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế cho bên được ủy quyền để thực hiện thủ tục về thuế được ủy quyền và gửi các thông báo liên quan đến thủ tục về thuế được ủy quyền trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử đến địa chỉ thư điện tử của bên được ủy quyền | Dự thảo hiện tại đang hướng dẫn theo hướng bên được ủy quyền sẽ có trách nhiệm về việc đăng ký, kê khai và nộp thuế cho NCCNN. Toàn bộ việc thực hiện các thủ tục về thuế cũng như các thông báo liên quan đến thuế đều sẽ được thực hiện giữa bên được ủy quyền và cơ quan quản lý thuế trực tiếp của bên được ủy quyền. Tuy nhiên, dự thảo lại chưa nêu rõ về trách nhiệm liên đới của NCCNN trong trường hợp bên được ủy quyền thực hiện các thủ tục về thuế không phù hợp với quy định của pháp luật (ví dụ kê khai sai mức thuế suất, kê khai và nộp thuế không theo thời hạn quy định, v...v...). Đối với trường hợp này, liệu NCCNN có chịu trách nhiệm liên đới không? Hay bên được ủy quyền là người làm việc trực tiếp với cơ quan quản lý thuế trực tiếp sẽ là bên chịu trách nhiệm trước pháp luật. Theo cơ chế khấu trừ, kê khai và nộp thuế NTNN hiện tại tại Thông tư 103/2014/TT-BTC, bên Việt Nam sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp có sai sót về việc khấu trừ, kê khai và nộp thuế NTNN không phù hợp với quy định. | Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc làm rõ vấn đề này. Cụ thể, kiến nghị ban soạn thảo áp dụng nguyên tắc hiện tại của thuế NTNN trong các văn bản có liên quan (bao gồm Điều 4, Thông tư 103/2014/TT-BTC), theo đó bên được ủy quyền sẽ chịu trách nhiệm trong tình huống có vi phạm về tuân thủ quy định đăng ký, kê khai, nộp thuế thay mặt NCCNN. |
| 15 | **Điều 94. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân ở Việt Nam có liên quan trong trường hợp nhà cung cấp ở nước ngoài không thực hiện đăng ký, khai thuế, nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế**  3... Tổng Cục thuế thông báo tên, địa chỉ website của nhà cung cấp ở nước ngoài cho ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để các đơn vị này xác định tài khoản giao dịch của nhà cung cấp ở nước ngoài và thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế đối với các giao dịch của người mua là cá nhân ở Việt Nam thanh toán cho tài khoản giao dịch của nhà cung cấp ở nước ngoài. | Để đảm bảo việc khấu trừ, kê khai và nộp thuế được đầy đủ, chính xác, giảm rủi ro cho ngân hàng thương mại, tổ chức trung gian thanh toán trong việc thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế, thông báo của Tổng nên có thông tin đầy đủ về thuế suất thuế TNDN và GTGT áp dụng đối với từng NCCNN. | Kiến nghị sửa đổi Khoản 3, Điều 94 như sau:  ***“Điều 94. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân ở Việt Nam có liên quan trong trường hợp nhà cung cấp ở nước ngoài không thực hiện đăng ký, khai thuế, nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế***  *3... Tổng Cục thuế thông báo tên, địa chỉ website,* ***thuế suất thuế TNDN, GTGT khấu trừ*** *của nhà cung cấp ở nước ngoài cho ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để các đơn vị này xác định tài khoản giao dịch của nhà cung cấp ở nước ngoài và thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế đối với các giao dịch của người mua là cá nhân ở Việt Nam thanh toán cho tài khoản giao dịch của nhà cung cấp ở nước ngoài...”.* |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |